

Bản án số: **22/2020/DSST**
Ngày: 23/7/2020
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Long và ông Nguyễn Ngọc Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Giang –Thẩm tra viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L– sinh năm 1974.

Trú tại: Thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn T, sinh năm 1964, bà Phan Thị T1, sinh năm 1969;

Trú tại: Thôn H, xã X (nay là xã X), thị xã S, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2019 và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày: Do có mối quan hệ họ hàng xa nên vào ngày 22/01/2019, chị L có cho Vợ chồng ông Nguyễn T, bà Phan Thị T1 mượn số tiền 50.000.000 đồng và 04 cây vàng SJC, mục đích mượn tiền vàng để về ủ tằm giống, việc vay mượn không ghi nhận lãi suất nhưng giữa chị L và vợ chồng ông T, bà T1 có thỏa thuận lãi bằng miệng là hàng tháng vợ chồng ông T, bà T1 đưa tiền lãi cho chị L để mua sữa cho con, có tháng đưa 500.000đ, có tháng đưa 1.000.000đ, vợ chồng ông T, bà T1 đưa tiền lãi được khoảng 4 -5 tháng thì không trả nữa. Việc mượn tiền và vàng có lập giấy hẹn nợ do ông T, bà T1 viết và cùng ký tên; không có ghi nhận thời hạn trả nợ nhưng hai bên thỏa thuận khi nào ông T, bà T1 bán tằm và bán nhà sẽ trả. Sau khi mượn tiền và vàng nêu trên, chị L nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông T, bà T1 trả nợ nhưng ông

T, bà T1 không thực hiện, cố tình trốn tránh, không trả tiền và vàng theo thỏa thuận mà bỏ nhà đi khỏi địa phương không thông báo cho chị L biết.

Do đó, chị L yêu cầu vợ chồng ông T, bà T1 phải trả cho chị L số tiền vay gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và 04 cây vàng SJC; chị L không yêu cầu lãi suất.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu đã tiến hành triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Vợ chồng ông Nguyễn T, bà Phan Thị T1 nhưng vợ chồng ông T, bà T1 không đến Tòa, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự và cố tình vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và những người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự (BLDS), Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã mượn là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và 04 cây vàng SJC. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 14/TB-TLVA ngày 17/02/2020 cho bị đơn Vợ chồng ông Nguyễn T, bà Phan Thị T1 nhưng hết thời hạn được quy định tại Điều 174, 175 của BLTTDS vợ chồng ông T, bà T1 không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiếp tục triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho vợ chồng ông T, bà T1 vào ngày 03/3/2020 và ngày 17/4/2020 nhưng vợ chồng ông T, bà T1 vẫn vắng mặt tại Tòa mà không có lý do chính đáng.

Tòa án đã tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 và khoản 3 Điều 210 của BLTTDS; Đồng thời triệu tập vợ chồng ông T, bà T1 tham gia phiên tòa nhưng vợ chồng ông T, bà T1 vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông T, bà T1 là phù hợp, được pháp luật quy định tại Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền và vàng đã mượn theo giấy hẹn nợ. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- Xét yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và đối chiếu với giấy hẹn nợ ngày 22/01/2019 do Vợ chồng ông Nguyễn T, bà Phan Thị T1 cùng ký tên được xem là chứng cứ của vụ án theo quy định tại Điều 93 BLTTDS, đủ cơ sở xác định: Ngày 22/01/2019, Vợ chồng ông Nguyễn T, bà Phan Thị T1 có mượn của chị Bùi Thị L số tiền 50.000.000 đồng và 04 cây vàng hiệu SJC, không xác định thời hạn trả nợ, không thỏa thuận lãi. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không trả nợ đúng cam kết là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của BLDS. Việc vợ chồng ông T, bà T1 có mượn tiền và vàng của chị L nhưng không T toán theo thỏa thuận là xâm phạm đến quyền lợi của chị L.

Sau khi vay, Vợ chồng ông Nguyễn T, bà Phan Thị T1 bỏ đi khỏi địa phương mà không thông báo cho chị L biết về nơi cư trú, làm việc mới là trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và 04 cây vàng hiệu SJC.

- Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xét.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền và vàng phải trả cho nguyên đơn: (50.000.000đ + 4 cây vàng SJC (tương ứng số tiền 214.000.000đ)) là 264.000.000đ x 5% = 13.200.000đ; Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn; (Vàng SJC giá 5.350.000đ/chỉ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Thị L.

1. Buộc bị đơn Vợ chồng ông Nguyễn T, bà Phan Thị T1 phải trả cho nguyên đơn chị Bùi Thị L số tiền gốc đã mượn là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và 04 (bốn) cây vàng hiệu SJC.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Vợ chồng ông Nguyễn T, bà Phan Thị T1 phải chịu 13.200.000đ (Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho chị Bùi Thị L số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do bà Huỳnh Thị T đã nộp thay tại biên lai thu tiền số 0000493 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

* **Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu (2);
- Chi cục THADS thị xã S;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền

